TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-9-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Phạm Thị Khanh.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Ngọc Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị T; ĐKHKTT: Thôn AB, xã HH, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn 2, DN, xã TT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Tiến H; nơi cư trú: Thôn AB, xã HH, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo chị Phan Thị T trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Đoàn Tiến H kết hôn với nhau tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng từ ngày 18-01-2004. Quá trình chung sống của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H cờ bạc, rượu chè, không quan tâm vợ con. Bản thân chị đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả. Hiện vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Tiến H.

2. Về con chung: Chị và anh Đoàn Tiến H có 02 con chung là Đoàn Thị Minh T1, sinh ngày 08-4-2004 và Đoàn Tiến Phan D, sinh ngày 10-12-2009. Hiện cháu Đoàn Thị Minh T1 đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung Đoàn Tiến Phan D cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự thỏa thuận với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của anh Đoàn Tiến H thống nhất với chị Phan Thị T về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp. Nay chị T có đơn ly hôn với anh, anh H đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị T; về con chung anh H và chị T có 02 con chung về họ tên, tuổi như chị T trình bày. Khi ly hôn, do con chung Đoàn Thị Minh T1 đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối con chung Đoàn Tiến Phan D anh H đề nghị Tòa án giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng anh H và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản, công nợ và các vấn đề khác, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là chị Phan Thị T có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, anh Đoàn Tiến H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn không đến tòa theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Giải quyết chị Phan Thị T được ly hôn anh Đoàn Tiến H; về con chung: Giao cho chị Phan Thị T được nuôi dưỡng con Đoàn Tiến Phan D đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của

pháp luật; về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu, nên đề nghị không xét; về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xét; chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn chị Phan Thị T, bị đơn anh Đoàn Tiến H: Chị T, anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02, chị T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt có lời khai đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh H.

- Về yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Thơ:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T kết hôn với anh Đoàn Tiến H trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã HH, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng ngày 18 tháng 01 năm 2004, căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống trên cơ sở lời khai của đương sự, biên bản xác minh của Tòa án thấy: Trong thời gian chung sống chị T và anh H đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thông cảm với nhau, vợ chồng đã ly thân nhau. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định mâu thuẫn của chị T, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T đề nghị được ly hôn anh H là có căn cứ, phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị T được ly hôn anh H.

[4] Về con chung: Chị Phan Thị T và anh Đoàn Tiến H có 02 con chung là Đoàn Thị Minh T1, sinh ngày 08-4-2004 và Đoàn Tiến Phan D, sinh ngày 10-12-2009. Hiện cháu Đoàn Thị Minh T1 đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường, các đương sự không ai yêu cầu việc nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét; cháu D đã trên 07 tuổi, chị T và anh H thống nhất giao cho chị T nuôi dưỡng phù hợp

với nguyện vọng của cháu D đề nghị được ở với mẹ, chị T có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo được điều kiện nuôi con. Nên căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị T về việc giao cháu Đoàn Tiến Phan D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Chị Phan Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào quy định tại các điều 19, 51, 53, 56, 57 và Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào quy định tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chị Phan Thị T được ly hôn anh Đoàn Tiến H.

2- Về con chung: Giao cháu Đoàn Tiến Phan D, sinh ngày 10-12-2009 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Phan Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006601 ngày 15 tháng 5 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, chị T đã nộp đủ án phí.

4- Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Phan Thị T, anh Đoàn Tiến H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5- Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục Thi hành án huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã HH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Duy Việt